

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/DS-ST

Ngày: 16/11/2018

V/v: “*Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ thanh toán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Bích Liễu**
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông **Nguyễn Văn Bạ**,
 2. Ông **Nguyễn Đức Đẹp**.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Phạm Hồng Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Như Hạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 483/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc “***Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2018/QĐST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty T**

Bà **Nguyễn Thị L** – Giám đốc

Địa chỉ: 711 Lê Hồng P, Phước L, Nha T, Khánh H

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Lục Thị T**. Có mặt.

*** Bị đơn: Ông Nguyễn Phạm Ân N** – Sinh năm: 1980

Địa chỉ: 90/22 Nguyễn B, Vĩnh H, Nha T, Khánh H. Vắng mặt.

*** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:**

- **Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật N**

Địa chỉ: 90/22 Nguyễn B, Vĩnh H, Nha T, Khánh H

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Phạm Ân N**. Vắng mặt.

- Ông **Trần Bá C** – sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Hòn N 2, xã Vĩnh N, Nha T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 25/8/2017, các bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn - Công ty T, do bà Nguyễn Thị L làm giám đốc công ty và đại diện theo ủy quyền là bà Lục Thị T trình bày:**

Ngày 12/9/2017 Doanh nghiệp tư nhân thương mại K được chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (có giấy chứng nhận đăng ký

doanh nghiệp là Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Khánh Hòa cấp), hoạt động kinh doanh và sổ liệu kế toán của Công ty được chuyển từ hoạt động kinh doanh và sổ liệu của Doanh nghiệp tư nhân thương mại K.

Ngày 15/5/2013 Doanh nghiệp K đã ký Hợp đồng nguyên tắc bán hàng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn và dịch vụ kỹ thuật N (viết tắt là N K) do ông Nguyễn Phạm Ân N là giám đốc Công ty làm đại diện. Căn cứ vào hợp đồng đã ký, Doanh nghiệp K xuất bán hàng hóa theo yêu cầu của Công ty N, cụ thể theo yêu cầu của ông N từ tháng 5/2013. Hai tháng đầu Công ty N thanh toán đủ tiền, không phát sinh nợ nần. Tuy nhiên các tháng tiếp theo Công ty N thanh toán không đầy đủ, dây dưa kéo dài thời gian, cụ thể:

Tháng 07/2013: K xuất bán hàng cho N là 445.549.390 đồng chưa thanh toán.

Tháng 08/2013: K xuất bán hàng cho N là 230.010.000 đồng chưa thanh toán. Trong tháng 08/2013 N thanh toán cho K 144.899.400 đồng, nợ chưa trả 530.659.990 đồng (gồm tháng 7 và tháng 8).

Tháng 09/2013: K xuất bán hàng cho N là 312.899.400 đồng. Trong tháng 09/2013 Công ty N thanh toán cho K 450.000.000 đồng, nợ chưa trả còn lại: 393.559.390 đồng.

Tháng 10/2013: K xuất bán hàng cho N là 658.993.500 đồng. Trong tháng 10/2013 Công ty N trả 328.260.227 đồng. N còn nợ lại 724.292.663 đồng.

Tháng 11/2013: K xuất bán hàng cho N là 287.170.400 đồng, Công ty N thanh toán 319.512.000 đồng, còn nợ lại chưa thanh toán là 691.951.063 đồng.

Tháng 12/2013: K xuất bán hàng cho N là 334.213.000 đồng. Công ty N thanh toán 435.466.650 đồng, nợ còn lại chưa trả 590.697.413 đồng.

Tháng 1 và tháng 2/2014: K xuất bán hàng cho N 478.644.100 đồng. Trong tháng 1/2014 Công ty N thanh toán 564.134.750 đồng, còn nợ lại 505.206.763 đồng.

Lãi chậm trả tính đến ngày 30/9/2013 là 9.250.827 đồng, lãi tính đến ngày 17/1/2014 là 14.411.653 đồng. Tổng cộng N còn nợ cả gốc và lãi là 528.869.243 đồng.

Tháng 3/2014 ông N trả cho K: 20.000.000 đồng.

Lãi tính đến tháng 7/2014 là 28.603.033 đồng

Như vậy, tính đến tháng 7/2014 Công ty N còn nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K tổng số tiền 537.472.276 đồng (Có bảng đối chiếu xác nhận nợ và cam kết thanh toán).

Năm 2015 Công ty N ngừng hoạt động nhưng vẫn chưa nộp hồ sơ làm thủ tục giải thể, Công ty N chưa bị xóa tên tại Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 15/9/2016 cá nhân ông Nguyễn Phạm Ân N xác nhận số tiền ông còn nợ nêu trên và ông cam kết chịu trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Kim T trong năm 2016. Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K đã đòi ông Nhon nhiều lần nhưng ông N cố tình kéo dài không chịu trả.

Ngày 25/1/2017 ông N trả 37.500.000 đồng.

Nay, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xem xét, giải quyết buộc ông Nguyễn Phạm Ân N trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K số tiền cụ thể như sau:

- Số tiền gốc là 485.206.763 đồng (Tính đến tháng 7/2014)
- Đến 25/01/2017 ông N trả 37.500.000 đồng
- Vậy số tiền gốc còn nợ là: 447.706.763 đồng
- Lãi tính đến tháng 7/2014 đã được ông N xác nhận nợ: 52.265.513 đồng
- Số tiền lãi từ ngày 31/8/2014 đến 31/5/2018 là: 230.123.839 đồng
- Số tiền lãi từ 01/6/2018 đến 15/11/2018 là: 23.182.623 đồng.
- Tổng cộng lãi: 305.571.975 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi: 447.706.763 đồng + 305.571.975 đồng = 753.278.738 đồng.

Và tiền lãi suất phát sinh tính từ 16/11/2018 cho đến khi ông Nguyễn Phạm Ân N trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã tiến hành xác minh và thực hiện việc tổng đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng ông Nguyễn Phạm Ân N vắng mặt không có lý do. Ông N chỉ gửi cho Tòa án Đơn giải trình nhận nợ và cam kết sẽ trả nợ. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 447.706.763 đồng, và lãi là 305.571.975 đồng tổng cộng hai khoản là 753.278.738 đồng. .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ án tranh chấp về dân sự, bị đơn có địa chỉ tại số 90/22 Nguyễn B, Vĩnh H, Nha Trang, Khánh Hòa, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. *Về quan hệ tranh chấp và thời hiệu khởi kiện:* Quan hệ tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc số 06/2013/HĐNT ngày 15/5/2013 giữa Cửa hàng kim khí vật liệu điện K và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ kỹ thuật N, hai bên là pháp nhân ký kết hợp đồng mua bán và có phát sinh lợi nhuận. Do đó, quan hệ tranh chấp ban đầu là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa được điều chỉnh theo Luật thương mại. Tuy nhiên, đến ngày 15/9/2016 Doanh nghiệp tư nhân K và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ kỹ thuật N ký Bảng đối chiếu xác nhận nợ và cam kết thanh toán số 15/DCN/09/2016. Trong Bảng đối chiếu xác nhận nợ và cam kết thanh toán phía Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ kỹ thuật N do ông Nguyễn Phạm Ân N ký với tư cách là cá nhân và được ông Nhơn hoàn toàn tự nguyện chịu trách nhiệm về khoản nợ còn lại đối với Doanh nghiệp tư nhân Kim T. Vì vậy, có thể xác định đây là quan hệ tranh chấp về

hợp đồng dân sự được Bộ luật dân sự điều chỉnh, thời hiệu khởi kiện là 03 năm theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và xác định đây là tranh chấp về “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán” theo điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

1.3. Về trình tự thủ tục:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhiều lần không có lý do. Theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết công khai tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang và tại địa chỉ nơi ở của ông Nguyễn Phạm Ân N và trụ sở của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật N tại số 90/22 Nguyễn B, Vĩnh H, Nha Trang, Khánh Hòa; niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Ngọc, Nha Trang và tại địa chỉ của ông Trần Bá C ở thôn Hòn N 2, xã Vĩnh N, Nha Trang.

Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Đối với số tiền gốc:

Ngày 15/5/2013 Doanh nghiệp K đã ký Hợp đồng nguyên tắc bán hàng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn và dịch vụ kỹ thuật N (viết tắt là N) do ông Nguyễn Phạm Ân N là giám đốc Công ty làm đại diện. Căn cứ vào hợp đồng đã ký, Doanh nghiệp K xuất bán hàng hóa theo yêu cầu của Công ty N từ tháng 5/2013. Hai tháng đầu Công ty N thanh toán đủ tiền, không phát sinh nợ nần. Tuy nhiên các tháng tiếp theo Công ty N thanh toán không đầy đủ, dây dưa kéo dài thời gian. Năm 2015 Công ty N ngừng hoạt động nhưng vẫn chưa nộp hồ sơ làm thủ tục giải thể, Công ty N chưa bị xóa tên tại Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Khánh Hòa. Ngày 15/9/2016 cá nhân ông Nguyễn Phạm Ân N xác nhận số tiền gốc ông còn nợ 485.206.763 đồng (Tính đến tháng 7/2014) và ông cam kết chịu trách nhiệm trả cho Doanh nghiệp K. Đến ngày 25/01/2017 ông N trả 37.500.000 đồng, vậy số tiền gốc còn nợ là: 447.706.763 đồng.

Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K yêu cầu ông Nguyễn Phạm Ân N trả số tiền gốc 447.706.763 đồng là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 về “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán” nên cần được chấp nhận yêu cầu này.

2.2. Đối với số tiền lãi:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K yêu cầu ông N phải trả số tiền lãi theo bảng tính lãi mà phía Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K đã nộp cho Tòa án. Theo đó, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K yêu cầu ông Nhon trả số tiền lãi như sau:

- Lãi tính đến tháng 7/2014 đã được ông N xác nhận nợ: 52.265.513 đồng
- Số tiền lãi từ ngày 31/8/2014 đến 31/5/2018 là: 230.123.839 đồng
- Số tiền lãi từ 01/6/2018 đến 15/11/2018 là: 23.182.623 đồng.

- Tổng cộng lãi: 305.571.975 đồng.

Mức lãi suất mà Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K yêu cầu là:

Từ 01/8/2014 đến 31/12/2016: mức lãi suất là 13,50%;

Từ 01/01/2017 đến 15/11/2018: mức lãi suất được tính là 11,25%.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc số 06/2013/HĐNT ngày 15/5/2013 giữa Cửa hàng kim khí vật liệu điện K và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ kỹ thuật N. Tranh chấp này phát sinh từ năm 2013 nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015: *“Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết”*. Như vậy, tranh chấp trong vụ án này được áp dụng theo Bộ luật dân sự năm 2005 và mức lãi suất được tính theo Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Do đó, do đó yêu cầu về mức lãi suất do phía nguyên đơn đưa ra là không có cơ sở để chấp nhận, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước công bố 9%/năm là phù hợp với Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Như vậy, mức lãi suất được tính như sau: Số tiền gốc x số ngày của 01 tháng (28, 29, 30, 31 ngày tùy từng tháng) x 9% : 365 ngày. Cụ thể:

- Từ ngày 01/8/2014 đến 24/01/2017, đối với số tiền gốc là 485.206.763 đồng, lãi suất được tính là: 211.878.009 đồng

- Từ ngày 25/01/2017 đến 15/11/2018, đối với số tiền gốc là 447.706.763 đồng, lãi suất được tính là: 72.859.660 đồng

Tổng cộng lãi suất là 284.737.669 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi mà bị đơn cần phải trả cho nguyên đơn là: 447.706.763 đồng + 284.737.669 đồng = 732.444.432 đồng.

2.3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Phạm Ân N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng + 4% x (732.444.432 đồng – 400.000.000 đồng) = 33.297.777 đồng (*Ba mươi ba triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng*).

- Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K phải chịu án phí đối với phần lãi suất không được chấp nhận là: (305.571.975 – 284.737.669) x 5% = 1.041.000 đồng (*Một triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng*).

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận hai yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại số tiền gốc là 447.706.763 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước công bố 9%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 357, 385, 398, 429 và 688 của Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 305, 476 Bộ luật dân sự 2005;
- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 179, 185, 227, 228, 233, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Phạm Ân N phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Kím T số tiền nợ gốc và lãi là 732.444.432 đồng (*Bảy trăm ba mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng*). Trong đó, tiền nợ gốc là 447.706.763 đồng (*Bốn trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng*) và tiền nợ lãi là 284.737.669 đồng (*Hai trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi chín đồng*).

2. Án phí:

- Ông Nguyễn Phạm Ân N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng + 4% x (732.444.432 đồng – 400.000.000 đồng) = 33.297.777 đồng (*Ba mươi ba triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng*).

- Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K phải chịu án phí đối với phần lãi suất không được chấp nhận là: (305.571.975 – 284.737.669) x 5% = 1.041.000 đồng (*Một triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 6.426.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007640 ngày 20/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Nha Trang. Hoàn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Kím T số tiền tạm ứng án phí 5.385.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án nêu trên.

* *Quy định:* Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

* **Nơi nhận:**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND TP. Nha Trang;
- Dương sự;
- Chi cục THADS NT;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- UBND P.Phước Hải, Nha Trang;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Thị Bích Liễu